CÁC QUYỀN LỢI NỔI BẬT CỦA SẢN PHẨM

- **Thiết kế đa dạng** phù hợp với nhiều nhóm khách hàng (cá nhân và doanh nghiệp)
- **Bảo vệ toàn diện nhiều rủi ro khác nhau:** ốm bệnh, thai sản, tai nạn, tử vong và bảo hiểm cho cả bệnh UNG THƯ
- **Phí bảo hiểm hấp dẫn và nhiều ưu đãi** cho khách hàng tham gia mới và khách hàng tái tục
- **Trẻ em** tham gia bảo hiểm không bị tăng phí, từ 9 tuổi có thể tham gia độc lập
- **Linh hoạt lựa chọn** quyền lợi bảo hiểm với 5 chương trình từ cơ bản đến cao cấp với tổng mức trách nhiệm tối đa lên tới 440.000.000 VNĐ
- **Bảo hiểm sinh con và biến chứng thai sản** được tích hợp trong quyền lợi nội trú
- **Bảo hiểm nha khoa và biến chứng thai sản** được tích hợp trong quyền lợi ngoại trú
- **Hỗ trợ giáo dục** cho con cái trong trường hợp Người được bảo hiểm là bố/mẹ tử vong
- **Tự do lựa chọn cơ sở y tế** để thăm khám và chữa bệnh
- **Bồi thường chuyên nghiệp, chính xác** trong vòng 7 ngày làm việc (theo quy định của Bảo Hiểm Bảo Việt)

ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BẢO HIỂM

ĐỘ TUỔI
15 ngày tuổi đến 65 tuổi

THỜI HẠN BẢO HIỂM
1 năm

PHẠM VI BẢO HIỂM
Việt Nam

KHÔNG NHẬN BẢO HIỂM ĐỐI VỚI

- Người bị bệnh tâm thần;
- Người bị bệnh ung thư trước hoặc tại thời điểm tham gia;
- Người bị thương tật/tàn tật vĩnh viễn quá 50%;
- Người đang trong thời gian điều trị bệnh lý/tình trạng nghiêm trọng

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH

Đơn vị: VNĐ

CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	Cơ bản	Mở rộng	Nâng cao	Toàn diện	Ưu việt
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH: Nằm viện và phẫu thuật nội trú do bệnh, tai nạn, thai sản					
Số tiền bảo hiểm/người/năm	**60.000.000**	**100.000.000**	**160.000.000**	**220.000.000**	**330.000.000**
1.1. Nằm viện do bệnh, tai nạn, thai sản (Tối đa 60 ngày/năm) • Chi phí phòng và giường, suất ăn theo tiêu chuẩn tại bệnh viện; • Chi phí thuốc điều trị và sử dụng trong khi nằm viện; truyền máu, ô xy, huyết thanh, quần áo bệnh viện; • Chi phí xét nghiệm hoặc chẩn đoán bằng cần thiết hình ảnh như X-quang, MRI, CT, PET, siêu âm, nội soi. • Chi phí sinh thường • Chi phí hợp lệ khác theo quy tắc bảo hiểm	**400.000 /ngày 21.000.000 /năm**	**600.000 /ngày 36.000.000 /năm**	**1.000.000 /ngày 60.000.000 /năm**	**1.400.000 /ngày 84.000.000 /năm**	**2.000.000 /ngày 120.000.000 /năm**
1.2. Phẫu thuật do bệnh, tai nạn, thai sản Trả theo chi phí thực tế, tối đa không vượt quá hạn mức theo phân loại dưới đây:					
1.2.1. Phẫu thuật đặc biệt	18.000.000 /năm	30.000.000 /năm	50.000.000 /năm	60.000.000 /năm	97.000.000 /năm
1.2.2. Phẫu thuật sinh con và các loại thủ thuật điều trị, tiểu phẫu	3.000.000 /năm	5.000.000 /năm	12.000.000 /năm	14.000.000 /năm	20.000.000 /năm
1.2.3. Phẫu thuật khác	10.000.000 /năm	16.000.000 /năm	30.000.000 /năm	40.000.000 /năm	60.000.000 /năm
1.3. Trợ cấp nằm viện (Tối đa 60 ngày/năm): tại bệnh viện công từ tuyến tỉnh trở lên (Loại trừ các Khoa quốc tế/Khoa điều trị tự nguyện/Khoa điều trị theo yêu cầu) *(Không áp dụng cho thai sản)*	100.000 /ngày	150.000 /ngày	200.000 /ngày	250.000 /ngày	400.000 /ngày
1.4. Chi phí khám trước khi nhập viện và sau khi xuất viện *(Không áp dụng cho thai sản)*	500.000 /năm	1.000.000 /năm	1.500.000 /năm	2.000.000 /năm	3.000.000 /năm
1.5. Xe cứu thương *(Không áp dụng cho thai sản)*	1.000.000 /năm	2.000.000 /năm	2.500.000 /năm	3.000.000 /năm	3.500.000 /năm
1.6. Hỗ trợ giáo dục Giới hạn tối đa 2 con	500.000 /con	1.000.000 /con	2.000.000 /con	2.000.000 /con	2.500.000 /con
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BỔ SUNG					
I. Tử vong/Thương tật vĩnh viễn/Tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do mọi nguyên nhân **Bên mua bảo hiểm chỉ chọn 1 trong 2 quyền lợi dưới đây**					
1.1. Bảo hiểm Tai nạn cá nhân (Số tiền bảo hiểm/người)					
1.1.1 Tử vong/Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn	**20.000.000**	**30.000.000**	**50.000.000**	**70.000.000**	**100.000.000**
1.1.2 Thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn	Trả theo Bảng tỷ lệ trả tiền thương tật (Đính kèm Quy tắc bảo hiểm) x số tiền bảo hiểm mục 1.1.1				
1.2. Bảo hiểm Sinh mạng và Tai nạn cá nhân (Số tiền bảo hiểm/người)					
1.2.1 Tử vong/Thương tật toàn bộ vĩnh viễn/Tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do mọi nguyên nhân bao gồm nguyên nhân tai nạn	**20.000.000**	**30.000.000**	**50.000.000**	**70.000.000**	**100.000.000**
1.1.2 Thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn	Trả theo Bảng tỷ lệ trả tiền thương tật (Đính kèm Quy tắc bảo hiểm) x số tiền bảo hiểm mục 1.2.1				
II. Điều trị ngoại trú do bệnh, tai nạn, biến chứng thai sản, nha khoa					
Số tiền bảo hiểm/người/năm	**3.000.000**	**3.000.000**	**6.000.000**	**8.000.000**	**10.000.000**
2.1. Điều trị ngoại trú do bệnh, tai nạn, biến chứng thai sản: Chi phí khám, điều trị, các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thuốc, xạ trị/hóa trị, truyền dịch, vật tư cần thiết và hợp lý theo sự chỉ định của bác sỹ	600.000 /lần khám	600.000 /lần khám	900.000 /lần khám	1.200.000 /lần khám	1.500.000 /lần khám
2.2. Vật lý trị liệu (tối đa 20 ngày/năm): Điều trị bằng các phương pháp vật lý trị liệu, trị liệu học bức xạ, nhiệt, liệu pháp ánh sáng, phục hồi chức năng và các phương pháp điều trị khác tương tự do bác sỹ chỉ định	100.000 /ngày	100.000 /ngày	100.000 /ngày	100.000 /ngày	100.000 /ngày
2.3. Điều trị nha khoa: - Khám, chụp X.Q, điều trị nha khoa - Cạo vôi răng (lấy cao răng, giới hạn 400.000/người/năm)	600.000 /năm	600.000 /năm	900.000 /năm	1.200.000 /năm	1.500.000 /năm